TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 149/2022/QĐST-HNGĐ	*Mỏ Cày Nam, ngày 16 tháng 11 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 246/2022/TLST-VDS ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Chị **Lương Thị M**, sinh năm 1997; Nơi cư trú: Ấp TĐ, xã TTB, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Anh **Lê Văn T**, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Ấp ĐL, xã TA, huyện MCB, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và biên bản hòa giải ngày 08 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre các đương sự đã thống nhất thuận tình ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con, chia tài sản khi ly hôn và lệ phí ly hôn.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị M và anh Lê Văn T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Lương Thị Mvà anh Lê Văn T thống nhất sau khi ly hôn, chị Mụi tiếp tục trực tiếp nuôi cháu Lê Thư Q, sinh ngày 26/3/2019 và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị M không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định

của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Lương Thị M và anh Lê Văn T không có nên không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Lương Thị M và anh Lê Văn T trình bày không có nên không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do chị Lương Thị M và anh Lê Văn T có nghĩa vụ nộp, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà anh chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số ******* ngày ** tháng ** năm **** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự (2b);
- VKSND huyện M (1b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn (47, 05/6/2018)(1b);
- TAND tỉnh Bến Tre(1b);
- Lưu HS, VP(3b). TC:9b.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng Kim Sang